TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/DS-PT
Ngày: 07 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 202/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025, Thông báo về việc dời ngày xét xử số 20/TB-TA ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương K, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường T, khu vực A, phường I, thành phố V, Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Nh, sinh năm 1979.

2.2 Bà Hứa X, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Nh và bà Hứa X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trương K trình bày: Vào năm 2012, vợ chồng ông Trần Nh, bà Hứa X có tham gia chơi một dây hụi do bà làm chủ, hụi tháng 10.000.000 đồng, có 29 phần. Đến năm 2012, ông Nhvà bà X đã hốt hụi lần thứ 1, hốt được số tiền 209.000.000 đồng, bà đã giao hụi đủ cho ông Nhvà bà X. Số tiền hụi chết còn lại ông Nh và bà X phải đóng cho bà là 29 lần với số tiền 290.000.000 đồng, ông Nhcó làm biên nhận và cam kết trả cho bà số tiền tổng cộng là 290.000.000 đồng. Dây hụi trên đã mãn vào tháng 7/2014, từ khi hốt hụi đến khi hụi mãn ông Nh và bà X chỉ đóng cho bà được số tiền 109.000.000 đồng, sau khi hụi mãn ông Nh và bà X đóng đến tháng 3/2016 được thêm 100.000.000 đồng. Tổng cộng ông Nh và bà X đã đóng cho bà được 209.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hụi 81.000.000 đồng không đóng tiếp nữa. Bà xác nhận từ ngày 21/02/2022 đến ngày 07/8/2023 ông Nhcó chuyển cho bà tổng số tiền là 117.000.000 đồng và số tiền chuyển 100.000.000 đồng là ông Nh trả cho bà theo Quyết định số 125 ngày 13/9/2012 của Tòa án và số tiền 17.000.000 đồng cũng là chuyển trả theo Quyết định số 125 ngày 13/9/2012 của Tòa án chứ không phải là trả tiền hụi cho bà. Đối với số tiền 63.000.000 đồng ông Nh trả từ ngày 13/3/2019 âm lịch đến ngày 05/3/2020 âm lịch là tiền trả theo Quyết định số 125 ngày 13/9/2012 của Tòa án, đối với dòng chữ "nhanh trả tiền hụi" là được viết thêm sau này, so với bản photo bà đang giữ thì không có. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Trần Nh và bà Hứa X trả số tiền hụi còn nợ theo biên nhận là 81.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Nh và bà Hứa X do ông Nguyễn Lê Nam đại diện trình bày: Theo đơn khởi kiện bà Trương K xác nhận đến tháng 03/2016 vợ chồng ông Nh, bà X đã trả cho bà K số tiền 209.000.000 đồng và chỉ còn nợ số tiền 81.000.000 đồng, từ tháng 03/2016 đến nay ông Nh bà X không trả số tiền 81.000.000 đồng cho bà. Tuy nhiên từ tháng 03/2016 đến nay vợ chồng ông Nh bà X đã nhiều lần chuyển tiền trả cho bà K do ông Nh bà X bận công việc làm ăn nên bà K yêu cầu ông Nh, bà X trả số tiền bao nhiêu thì ông Nhchuyển trả cho bà

K mà không có kiểm tra lại. Đến ngày 07/8/2023 bà K thông báo ông Nh bà X chuyển thêm 10.000.000 đồng nữa là trả hết nợ và ông Nh đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu bà K và đã ghi nội dung chuyển tiền là "ĐÃ THANH TOÁN HẾT NỢ". Nay bà Trương K khởi kiện yêu cầu ông Nh bà X trả số tiền 81.000.000 đồng ông Nh bà X không đồng ý. Sau khi kiểm tra lại các lần chuyển tiền cho bà K ông Nhnhận thấy qua những lần chuyển tiền cho bà Khến ông Nhđã chuyển cho bà K tổng cộng số tiền 117.000.000 đồng là dư đến 36.000.000 đồng. Vì vậy ông Nhbà X có yêu cầu phản tố: yêu cầu bà Trương K trả lại số tiền 36.000.000 đồng mà ông Nh bà X đã chuyển dư. Đây không phải là tiền hụi, trước đây ông Nh có vay của bà K 209.000.000 đồng, sau đó bà K kêu ông Nhviết thành biên nhận hụi để trả dần. Ngoài ra, ông Nhcó tìm được quyển sổ từ ngày 13/3/2019 âm lịch đến ngày 05/3/2020 âm lịch ông Nh bà X có trả cho bà K số tiền hụi là 63.000.000 đồng, như vậy tổng cộng ông Nhbà X đã trả được số tiền 389.000.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu tính lãi của bà K và xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà Trương K trả lại số tiền đã trả dư là 36.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 202/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Nh và bà Hứa X phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương K số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 81.000.000 (tám mươi mốt triệu) đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ do bà Trương K rút yêu cầu tính lãi tại phiên tòa.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Nh và bà Hứa X về việc yêu cầu bà Trương K trả lại số tiền đã trả dư là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Ông Trần Nh và bà Hứa X được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố nêu trên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2024, ông Trần Nh và bà Hứa X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn bà Trương K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Nh và bà Hứa X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Nh và bà Hứa X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Trương K khởi kiện cho rằng, ngày 06/02/2012 ÂL ông Trần Nh và bà Hứa X có nợ bà 290.000.000 đồng tiền hụi, đã trả 209.000.000 đồng, còn lại 81.000.000 đồng. Bà Trương K có cung cấp Biên nhận nợ ngày 06/02/2012 ÂL (bút lục 23).

[2] Phía ông Trần Nh thừa nhận có thiếu bà Trương K 290.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/02/2012 ÂL (bút lục 23) như lời khai của bà Trương K, nhưng ông đã trả xong, không còn nợ bà Trương K. Phía bà Trương K không thừa nhận, ông Trần Nh không cung cấp được chứng cứ để chưng minh là đã trả xong số tiền trên cho bà Trương K, nên cấp sơ thẩm buộc ông Trần Nh và bà Hứa X trả cho bà Trương K 81.000.000 (tám mươi mốt triệu) đồng là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Nh, bà Hứa X không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, bà là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Nh và bà Hứa X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Nh và bà Hứa X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương K.

1. Buộc ông Trần Nh và bà Hứa X có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương K số tiền 81.000.000 (tám mươi mốt triệu) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Nh và bà Hứa X về việc yêu cầu bà Trương K trả lại số tiền đã trả dư là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Ông Trần Nh và bà Hứa X được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố nêu trên theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Nh và bà Hứa X liên đới chịu 4.050.000 (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông Trần Nh và bà Hứa X được khấu trừ 900.000 (chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000893 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Ông Trần Nh và bà Hứa X còn phải liên đới nộp thêm số tiền là 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001157 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bà Hứa X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hứa X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001157 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 07/5/2025.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Nghệ